

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2015



NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96,312,492,990	120,742,236,755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55,240,656,991	40,534,586,598
1. Tiền	111		5,440,656,991	3,402,476,044
2. Các khoản tương đương tiền	112		49,800,000,000	37,132,110,554
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	47,600,000,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	47,600,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16,887,002,946	15,641,540,385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3,266,712,815	4,475,881,198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11,051,177,249	8,283,235,156
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4,256,489,396	4,530,188,637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,687,376,514)	(1,647,764,606)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	16,205,554,599	13,130,589,636
Hàng tồn kho	141		16,205,554,599	13,130,589,636
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,979,278,454	3,835,520,136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,231,533,332	29,379,998
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,719,721,040	3,722,315,138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	28,024,082	83,825,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		307,109,669,814	236,184,769,819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		219,331,761,521	210,488,370,978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	219,099,560,218	209,984,267,764
Nguyên giá	222		609,244,763,723	569,719,162,202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(390,145,203,505)	(359,734,894,438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	232,201,303	504,103,214
Nguyên giá	228		3,440,946,666	3,215,946,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,208,745,363)	(2,711,843,452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		19,245,739,006	24,182,230,503
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	19,245,739,006	24,182,230,503
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68,523,839,287	1,505,838,338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	68,411,495,786	1,366,959,458
2. Tài sản dài hạn khác	268		112,343,501	138,878,880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		403,422,162,804	356,927,006,574

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		191,917,131,078	153,426,581,408
I. Nợ ngắn hạn	310		162,211,169,462	122,072,029,935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	54,301,340,863	25,444,285,612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1,437,322,226	2,075,082,766
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	9,899,965,696	12,731,549,768
4. Phải trả người lao động	314		12,195,488,475	12,698,705,785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	64,127,915,986	25,640,202,261
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	15,619,696,967	37,532,972,027
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	2,502,862,548	3,123,786,161
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.20	2,126,576,701	2,825,445,555
II. Nợ dài hạn	330		29,705,961,616	31,354,551,473
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	22,006,842,532	21,152,569,841
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	7,699,119,084	10,201,981,632
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		211,505,031,726	203,500,425,166
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	211,505,031,726	203,500,425,166
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		51,992,092,191	46,441,673,683
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		29,512,939,535	27,058,751,483
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>1,730,953,020</i>	<i>27,058,751,483</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>27,781,986,515</i>	<i>-</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		403,422,162,804	356,927,006,574

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc


LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 Năm 2015

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	220,859,993,870	207,876,776,798	853,328,002,350	794,284,587,783
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		86,149,003	52,383,788	226,949,094	302,277,264
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		220,773,844,867	207,824,393,010	853,101,053,256	793,982,310,519
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	219,467,526,775	184,420,163,388	815,432,809,428	734,800,359,465
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,306,318,092	23,404,229,622	37,668,243,828	59,181,951,054
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,352,095,640	1,455,229,261	3,555,991,197	3,783,052,593
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	306,096,226	391,438,645	1,334,514,732	1,676,027,627
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		306,096,226	391,438,645	1,334,514,732	1,676,027,627
8 Chi phí bán hàng	25	VI.5	3,082,381,293	2,535,217,686	10,337,673,925	9,381,564,550
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9,867,018,197	8,920,859,890	24,931,997,773	23,884,312,038
10 Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10,597,081,984)	13,011,942,662	4,620,048,595	28,023,099,432
11 Thu nhập khác	31		32,495,279,979	2,098,576,907	33,917,072,715	7,166,358,425
12 Chi phí khác	32		4,345,915,344	881,294,673	4,417,680,206	4,269,902,352
13 Lãi/(lỗ) khác	40	VI.7	28,149,364,635	1,217,282,234	29,499,392,509	2,896,456,073
14 Tổng lãi kế toán trước thuế	50		17,552,282,651	14,229,224,896	34,119,441,104	30,919,555,505
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2,806,696,856	3,197,108,895	6,337,454,589	6,646,459,204
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14,745,585,795	11,032,116,001	27,781,986,515	24,273,096,301
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1,134	849	2,137	1,867
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2015

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34,119,441,104	30,919,555,505
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38,132,074,289	38,172,340,343
- Các khoản dự phòng	03		39,611,908	(44,462,165)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31,954,420,928)	(5,407,620,715)
- Chi phí lãi vay	06		1,334,514,732	1,676,027,627
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>				
3. <i>động</i>	08		41,671,221,105	65,315,840,595
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4,502,465,738)	1,527,123,998
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,074,964,963)	1,106,367,931
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		81,464,633,685	24,985,114,042
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(68,246,689,662)	(11,610,606,327)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,334,514,732)	(1,676,027,627)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9,078,756,867)	(9,675,977,763)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		2,721,934,348	1,805,188,842
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7,666,892,623)	(6,076,573,928)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>31,953,504,553</u>	<u>65,700,449,763</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(61,663,276,838)	(23,931,786,008)
- Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10,330,367,000	949,693,304
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(61,924,493,025)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		47,600,000,000	39,930,282,475
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,858,312,861	3,974,615,104
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>125,403,023</u>	<u>(41,001,688,150)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,123,786,161)	(3,113,735,932)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14,249,051,022)	(16,740,487,730)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(17,372,837,183)</u>	<u>(19,854,223,662)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		<u>14,706,070,393</u>	<u>4,844,537,951</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		<u>40,534,586,598</u>	<u>35,690,048,647</u>
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>55,240,656,991</u>	<u>40,534,586,598</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 416 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 397 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính năm 2015 thuộc năm tài chính thứ 09 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Master.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh số VIII.4 của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán nước sạch.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Khoản phải thu về lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác..... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty lũy kế đến thời điểm lập Báo cáo.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết miễn giảm thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 7 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
Tiền mặt	9.821.995	31.520.580
Tiền gửi ngân hàng	5.430.834.996	3.370.955.464
Các khoản tương đương tiền (*)	49.800.000.000	37.132.110.554
Cộng	55.240.656.991	40.534.586.598

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 5,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lãi suất 5% đến 5,5%/năm).

2. Đầu tư đáo hạn đến ngày năm giữ

Tiền gửi có kỳ hạn (*)	-	47.600.000.000
Cộng	-	47.600.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	3.266.712.815	4.475.881.198
Cộng	3.266.712.815	4.475.881.198

4. Trả trước người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
Công nợ với bên liên quan	530.176.060	509.716.595
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	530.176.060	509.716.595
Công nợ với nhà cung cấp khác	10.521.001.189	7.773.518.561
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.447.838.066
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)		289.902.299
CN Tổng Công ty Cơ Điện-XDNN		348.040.000
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	42.842.836	334.262.267
Công ty TNHH XĐBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T		-
Công ty TNHH Đan Vĩ		1.000.778.585
Công ty QL CTGT Sài Gòn	146.817.731	2.202.473.127
Công ty CP Xây dựng số 5	2.674.701.596	-
Công ty TNHH TMXD KT Cơ Điện Toàn Cầu	2.040.421.722	
Công ty TNHH DV TM TK Thành Mỹ	322.088.250	
Công ty TNHH MTV TMDV & KT Ánh Sáng Việt	1.255.928.710	
Nhà cung cấp khác	1.121.434.284	848.140.543
Cộng	11.051.177.249	8.283.235.156

5. Phải thu ngắn hạn khác

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.907.196.636	2.872.765.106
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban		
Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	937.765.459	1.310.987.218
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	66.305.556	302.321.664
Phải thu khác	345.221.745	44.114.649
Cộng	4.256.489.396	4.530.188.637

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng các khoản nợ từ trên 1 năm đến 3 năm	1.687.376.514	1.647.764.606
Cộng	1.687.376.514	1.647.764.606

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
Nguyên vật liệu	12.100.016.476	10.997.996.081
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.105.538.123	2.132.593.555
Cộng	16.205.554.599	13.130.589.636
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	16.205.554.599	13.130.589.636

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 31/12/2015
Chi phí công cụ dụng cụ	-	1.274.412.863	788.079.531	486.333.332
Phần mềm diệt virus	29.379.998	-	29.379.998	-
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	3.639.600.000	2.894.400.000	745.200.000
Cộng	29.379.998	4.914.012.863	3.711.859.529	1.231.533.332

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	28.024.082	83.825.000
Cộng	28.024.082	83.825.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Tại ngày 01/01/2015	2.015.263.000	1.531.852.486	554.226.268.897	11.945.777.819	569.719.162.202
2. Tăng trong kỳ		59.200.000	49.615.864.502	2.097.699.000	51.772.763.502
<i>Mua sắm mới</i>		59.200.000	595.069.972	2.097.699.000	2.751.968.972
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>			49.020.794.530		49.020.794.530
3. Giảm trong kỳ	1.776.689.000	-	10.470.472.981	-	12.247.161.981
<i>Thanh lý</i>	1.776.689.000	-	9.200.454.173	-	10.977.143.173
<i>Giảm nguyên giá theo quyết toán công trình</i>	-	-	1.270.018.808	-	1.270.018.808
4. Tại ngày 31/12/2015	238.574.000	1.591.052.486	593.371.660.418	14.043.476.819	609.244.763.723
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Tại ngày 01/01/2015	1.561.918.327	1.427.193.594	350.898.320.093	5.847.462.424	359.734.894.438
2. Tăng trong kỳ	29.611.485	47.329.441	35.913.324.783	2.058.746.389	38.049.012.098
3. Giảm trong kỳ	1.352.955.812	-	6.281.822.316	3.924.903	7.638.703.031
<i>Thanh lý</i>	1.352.955.812	-	-	-	1.352.955.812
<i>Giảm theo quyết toán công trình</i>	-	-	409.914.817	-	409.914.817
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	5.871.907.499	-	5.871.907.499
4. Tại ngày 31/12/2015	238.574.000	1.446.455.448	367.543.429.501	6.824.364.795	376.052.823.744
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2015	453.344.673	104.658.892	203.327.948.804	6.098.315.395	209.984.267.764
2. Tại ngày 31/12/2015	-	116.529.451	212.841.837.858	6.141.192.909	219.099.560.218

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Tại ngày 01/01/2015	3.215.946.666	3.215.946.666
2. Tăng trong kỳ	225.000.000	225.000.000
<i>Do mua sắm</i>	225.000.000	225.000.000
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 31/12/2015	3.440.946.666	3.440.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Tại ngày 01/01/2015	2.711.843.452	2.711.843.452
2. Tăng trong kỳ	496.901.911	496.901.911
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 31/12/2015	3.208.745.363	3.208.745.363
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày 01/01/2015	504.103.214	504.103.214
2. Tại ngày 31/12/2015	232.201.303	232.201.303

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2015	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Giảm khác	Tại ngày 31/12/2015
Cộng	24,182,230,503	55,154,700,070	49,020,794,530	2,476,825,472	8,593,571,565	19,245,739,006

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 31/12/2015
Chi phí sửa chữa văn phòng, kho	1.121.625.399	526.319.962	1.027.678.336	620.267.025
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	245.334.059	-	122.667.029	122.667.030
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	-	72.219.311.590	16.262.335.375	55.956.976.215
Thay đồng hồ nước	-	19.519.309.193	7.807.723.677	11.711.585.516
Cộng	1.366.959.458	92.264.940.745	25.220.404.417	68.411.495.786

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
Công nợ với bên liên quan	52.962.495.766	22.130.004.005
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	52.962.495.766	22.130.004.005
Công nợ với nhà cung cấp khác	1.338.845.097	3.314.281.607
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	238.751.944	2.202.070.836
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	-	136.510.000
Nhà cung cấp khác	848.480.999	724.088.617
Cộng	54.301.340.863	25.444.285.612

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công nợ với bên liên quan	49.999.839	49.999.839
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Công nợ với khách hàng khác	1.387.322.387	2.025.082.927
Truy thu tiền thất thoát nước	298.145.395	1.079.770.175
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	106.872.270	62.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	610.065.610	610.065.610
Các khách hàng khác	372.239.112	272.374.872
Cộng	1.437.322.226	2.075.082.766

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2015
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	22.812.689	22.812.689	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.547.999.134	6.337.454.589	9.078.756.867	2.806.696.856
Thuế thu nhập cá nhân	855.838	1.460.165.370	1.275.736.770	185.284.438
Các loại thuế khác	7.182.694.796	81.515.190.890	81.789.901.284	6.907.984.402
- Thuế bảo vệ môi trường	7.182.694.796	81.503.021.890	81.777.732.284	6.907.984.402
- Thuế môn bài	-	8.449.000	8.449.000	-
- Thuế khác	-	3.720.000	3.720.000	-
Cộng	12.731.549.768	89.335.623.538	92.167.207.610	9.899.965.696

(*) Trình bày trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải thu nhà nước"

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
 - + Cung cấp nước : 5 %
 - + Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 22%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem Thuyết minh số VI.8.
- **Các khoản thuế khác**
Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	35.383.747.148	13.413.099,885
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	27.131.148.697	8,824,390,662
Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ	1.478.738.651	
Thù lao HĐQT	108.000.000	108,000,000
Chi phí đầu tư ống cái phát triển ống cái cấp 3 không hoàn lại	-	2,902,886,008
Chi phí dự án di dời DD01/13	-	391,825,706
Chi phí kinh phí Đảng	26.281.490	-
Cộng	64.127.915.986	25.640.202.261

18. Phải trả ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	6.884.766	4.047.944
Bảo hiểm thất nghiệp	2.939.100.397	-
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.695.848.413	1.766.117.380
Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	5.394.988	13.229.536.477
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	955.091.956	9.271.802
Cổ tức phải trả cho cổ đông		904.142.978
Nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng:	-	21.619.855.446
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6</i>	17.376.447	21.602.479.000
Các khoản phải trả khác	6.884.766	17.376.446
Cộng	15.619.696.967	37.532.972.027

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Tại ngày 31/12/2015
Nợ dài hạn đến hạn trả				
<i>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</i>	3.123.786.161	-	3.123.786.161	-
Cộng	3.123.786.161	-	3.123.786.161	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Tăng khác	Tại ngày 31/12/2015
Quỹ khen thưởng	1.965.176.420	2.434.391.091	2.991.820.000	45.730.000	1.453.477.511
Quỹ phúc lợi	860.269.135	2.434.391.091	2.621.861.036	300.000	673.099.190
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	608.597.773	608.597.773	-	-
Cộng	2.825.445.555	5.477.379.955	6.222.278.809	46.030.000	2.126.576.701

21. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác (*)	22.006.842.532	21.152.569.841
Cộng	22.006.842.532	21.152.569.841

(*) Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay dài hạn - Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn.	10.201.981.632	13.325.767.793
Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.502.862.548)	(3.123.786.161)
Cộng	7.699.119.084	10.201.981.632

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với mục đích đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 10 và được đảm bảo bằng tài sản tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, chi tiết nợ vay như sau:

Hợp đồng vay	Tại ngày 01/01/2015	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Nợ vay đến hạn trả	Tại ngày 31/12/2015
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	10.542.111	-	10.542.111	-	-
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	274.403.191	-	274.403.191	-	-
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	158.768.927	-	158.768.927	-	-
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	193.190.616	-	185.200.000	-	7.990.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	1.600.297.823	-	632.000.000	-	968.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	239.049.649	-	78.427.220	-	160.622.429
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	69.602.099	-	12.104.712	-	57.497.387
Hợp đồng 3703/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	2.134.438.460	-	283.948.000	-	1.850.490.460
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.357.913.471	-	582.192.000	-	3.775.721.471
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.287.561.446	-	906.200.000	-	3.381.361.446
Cộng	13.325.767.793	-	3.123.786.161	-	10.201.981.632

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2014	130.000.000.000	33.529.540.517	37.666.737.661	201.196.278.178
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	24.273.096.301	24.273.096.301
Trích lập quỹ ĐTPT và DPTC	-	12.912.133.166	(12.912.133.166)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.068.949.313)	(5.068.949.313)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	130.000.000.000	46.441.673.683	27.058.751.483	203.500.425.166
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	27.781.986.515	27.781.986.515
Trích lập quỹ ĐTPT và DPTC	-	5.550.418.508	(5.550.418.508)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.477.379.955)	(5.477.379.955)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	130.000.000.000	51.992.092.191	29.512.939.535	211.505.031.726

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 01/01/2015
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
Ngân hàng Thương Mại CP Phương Nam	14.200.000.000	14.200.000.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	3.005.000.000
Công ty CP địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương Mại CP Đông Á	2.766.520.000	2.766.520.000
Cổ đông khác	40.724.480.000	40.724.480.000
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần**

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu thuần cung cấp nước	835.351.434.272	774.417.891.006
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.749.618.984	19.564.419.513
Cộng	853.101.053.256	793.982.310.519

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	804.862.421.142	724.864.998.895
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.570.388.286	9.935.360.570
Cộng	815.432.809.428	734.800.359.465

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết giá vốn theo yếu tố :		
<u>Giá vốn theo yếu tố kinh doanh nước sạch</u>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	664.433.768.304	560.528.870.787
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	4.497.932.199	32.467.555.656
Chi phí nhân công	58.102.379.476	53.631.512.927
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.131.149.596	36.560.362.249
Chi phí thuê tài sản hoạt động	4.857.702.273	4.857.702.274
Chi phí gấn và thay đồng hồ nước	21.937.465.498	18.395.615.582
Chi phí chống thất thoát nước	1.805.044.034	1.537.015.835
Chi phí cải tạo ống mục	8.619.520.496	14.165.186.048
Chi phí sửa bể	863.900.570	1.080.414.838
Chi phí khác	1.480.965.141	650.339.154
Tổng chi phí sản xuất	802.729.827.588	723.874.575.350
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	2.132.593.555	3.123.017.100
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ		2.132.593.555
Giá vốn cung cấp nước	804.862.421.143	724.864.998.895
<u>Giá vốn cung cấp dịch vụ</u>		
Chi phí nguyên vật liệu	7.197.989.374	5.757.562.834
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường Thuê ngoài	3.372.398.912	3.764.379.536
Tổng chi phí sản xuất	10.570.388.286	9.521.942.370
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ		413.418.200
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ		
Giá vốn dịch vụ	10.570.388.286	9.935.360.570
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.437.944.394	3.676.239.292
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117.764.503	106.483.951
Cổ tức, lợi nhuận được chia	282.300	329.350
Cộng	3.555.991.197	3.783.052.593
4. Chi phí tài chính		
Lãi vay	1.334.514.732	1.676.027.627
Cộng	1.334.514.732	1.676.027.627
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	7.967.449.892	7.615.013.121
Chi phí công cụ, dụng cụ	320.715.756	98.006.402
Chi phí khấu hao	434.016.042	388.726.349
Chi phí bằng tiền khác	1.615.492.235	1.279.818.678
Cộng	10.337.673.925	9.381.564.550

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	16.499.648.760	15.416.223.195
Chi phí đồ dùng văn phòng	443.133.773	363.676.784
Chi phí khấu hao	1.689.575.681	1.345.918.775
Thuế, phí và lệ phí	66.265.691	131.658.156
		-
Chi phí dự phòng giảm giá	39.611.908	44.462.165
Chi phí bằng tiền khác	6.193.761.960	6.671.297.293
Cộng	24.931.997.773	23.884.312.038
7. Lãi thuần từ hoạt động khác		
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	199.090.929	51.272.731
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.513.627.241	5.372.060.458
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	32.150.709.593	1.635.537.926
Thu nhập khác	53.644.952	107.487.310
Cộng	33.917.072.715	7.166.358.425
Chi phí hồ sơ mời thầu	42.968.670	22.720.047
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	3.752.279.862	-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	(1.087.339.579)	4.199.917.216
Nộp chậm thuế	536.360.928	-
Chi phí bồi thường, di dời	1.166.520.487	-
Chi phí khác	6.889.838	47.265.089
Cộng	4.417.680.206	4.269.902.352
Lãi thuần từ hoạt động khác	29.499.392.509	2.896.456.073
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34,119,441,104	30.919.555.505
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(3.893.696.731)	16.287.015.523
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	38.013.137.835	14.632.539.982
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	-	
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	45%	48%
Lợi nhuận tính thuế	34.119.441.104	30.919.555.505
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi 5%	(1.741.989.854)	7.792.150.359
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(2.151.706.877)	8.494.865.164
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	38.013.137.835	14.632.539.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 2015	7.506.277.143	6.646.459.204
Điều chỉnh thuế TNDN theo BBTT thuế 2014	(1.168.822.554)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp 2015	6.337.454.589	6.646.459.204

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết miễn giảm thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2015 là năm thứ 7 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.781.986.515	24.273.096.301
Trừ số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.781.986.515	24.273.096.301
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.137	1.867

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nước sạch	664,433,768,304	560.528.870.787
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11,695,921,573	39.015.844.586
Chi phí nhân công	82,569,478,128	76.662.749.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43,112,443,592	38.295.007.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46,758,275,975	52.159.922.320
Cộng	848,569,887,572	766.662.394.309

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2015	Năm 2014
Cổ tức chưa thanh toán	955.091.956	904.142.978
Lãi tiền gửi còn dự thu	66.305.556	302.321.664

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	302.321.664	493.884.175
Cổ tức được chi trả trong kỳ này	14.249.051.022	14.653.652.242

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn

Công ty CP cấp nước Bến Thành

Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa

Chi nhánh cấp nước Trung An

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Công ty Công trình giao Thông Công Chánh

Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	664.433.768.304	560.423.283.170
Mua vật tư	40.337.510.135	27.785.408.789
Thuê tài sản hoạt động	4.857.702.273	4.857.702.274
Lãi vay phải trả	1.334.514.732	1.676.027.627
Phải trả XDDB & TSCĐ	-	1.790.906.039
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	2.701.310.000	85.118.864
Phải thu do chi hộ	237.314.160	27.531.770
Phải thu do cung cấp dịch vụ	1.141.424.108	920.89.981
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	20.000.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	-	36.260.121
	Năm 2015	Năm 2014
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	67.457.590	323.148.988

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2015</u>	<u>Tại ngày 01/01/2015</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	4.824.731	-
Phải thu các khoản chi hộ	2.907.196.636	2.889.002.136
Phải trả thương mại	(52.962.495.766)	(22.130.004.005)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCCB, đồng hồ nước	(11.695.848.413)	(13.229.536.477)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ		
Phải trả tiền vay	<u>(10.201.981.632)</u>	<u>(13.325.767.793)</u>
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(68.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	<u>(49.999.839)</u>	<u>(72.874.000)</u>
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>530.176.060</u>	<u>509.716.595</u>

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Tiền lương	1.528.488.000	1.572.244.830
Các khoản bảo hiểm phải trả	44.306.816	42.607.857
Cộng	<u>1.572.794.816</u>	<u>1.614.852.687</u>

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.19 và V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Tại ngày 31/12/2015</u>	<u>Tại ngày 01/01/2015</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.240.656.991	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	-	47.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.631.692.150	2.828.116.592
Phải thu ngắn hạn khác	2.973.502.192	3.175.086.770
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	8.330.000	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	112.343.501	138.878.880
Cộng	<u>62.966.524.834</u>	<u>94.284.998.840</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	10.201.981.632	13.325.767.793
Phải trả người bán ngắn hạn	54.301.340.863	25.444.285.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	64.127.915.986	25.640.202.261
Phải trả ngắn hạn khác	36.659.167.789	57.785.455.590
Cộng	<u>165.290.406.270</u>	<u>122.195.711.256</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	2.502.862.548	6.406.633.326	1.292.485.758	10.201.981.632
Phải trả người bán ngắn hạn	54.301.340.863	-	-	54.301.340.863
Chi phí phải trả ngắn hạn	64.127.915.986	-	-	64.127.915.986
Phải trả ngắn hạn khác	14.652.325.257	22.006.842.532	-	36.659.167.789
Cộng	135.584.444.654	28.413.475.858	1.292.485.758	165.290.406.270

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.240.656.991	-	-	55.240.656.991
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.631.692.150	-	-	4.631.692.150
Phải thu ngắn hạn khác	2.973.502.192	-	-	2.973.502.192
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	(26.535.379)	138.878.880	-	112.343.501
Cộng	62.819.315.954	147.208.880	-	62.966.524.834
Chênh lệch thanh khoản thuần				
	72.765.128.700	28.266.266.978	1.292.485.758	102.323.881.436
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	3.123.786.161	8.031.251.162	2.170.730.470	13.325.767.793
Phải trả người bán ngắn hạn	25.444.285.612	-	-	25.444.285.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	25.640.202.261	-	-	25.640.202.261
Phải trả ngắn hạn khác	36.632.885.749	21.152.569.841	-	57.785.455.590
Cộng	90.841.159.783	8.031.251.162	2.170.730.470	122.195.711.256
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.586.598	-	-	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	47.600.000.000	-	-	47.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.505.719.413	-	-	2.505.719.413
Phải thu ngắn hạn khác	3.497.483.949	-	-	3.497.483.949
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	-	138.878.880	-	138.878.880
Cộng	94.137.789.960	147.208.880	-	94.284.998.840
Chênh lệch thanh khoản thuần				
	(3.296.630.177)	7.884.042.282	2.170.730.470	27.910.712.416

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Phân loại số liệu tương ứng

Một số khoản khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính năm 2015 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2014 (Đã Báo cáo trước)	Trình bày lại	31/12/2014 (Sau trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Tài sản ngắn hạn khác	222.703.880	(138.878.880)	83.825.000
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Tài sản dài hạn khác	-	138.878.880	138.878.880
NỢ PHẢI TRẢ			
Vay và nợ ngắn hạn	3.123.786.161	(3.123.786.161)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	3.123.786.161	3.123.786.161
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Quỹ dự phòng tài chính	13.629.743.425	(13.629.743.425)	-
Quỹ đầu tư phát triển	32.811.930.258	13.629.743.425	46.441.673.683

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2016



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2015

Theo báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 4 năm 2015 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	215,831,995,992	197,743,195,508	18,088,800,484	109.15%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4,941,848,875	10,081,197,502	(5,139,348,627)	49.02%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	220,773,844,867	207,824,393,010	12,949,451,857	106.23%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 12.949.451.857 đồng, tỷ lệ tăng 106.23% do:

- Sản lượng nước tiêu thụ quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 2.151.107 m³, tỷ lệ tăng 109% => doanh thu tăng 19.387.002.415 đồng
- Giá bán bình quân quý 4 năm 2015 giảm 99 đồng/m³ so với quý 4 năm 2014 => doanh thu giảm 2.142.423.855 đồng
- Ngoài ra doanh thu truy thu quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 845.660.930 đồng, tỷ lệ tăng 160%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 4 năm 2015 giảm so với quý 4 năm 2014 là 5.139.348.627 đồng, tỷ lệ giảm 51%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	215,299,995,313	180,659,696,184	34,640,299,129	119.17%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	4,167,531,462	3,760,467,204	407,064,258	110.82%
Cộng	219,467,526,775	184,420,163,388	35,047,363,387	119.00%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	185,843,158,419	145,565,013,438	40,278,144,981	127.67%
Chi phí nhân công	17,378,104,913	14,258,484,648	3,119,620,265	121.88%
Chi phí khấu hao tài sản	10,022,050,111	8,739,492,315	(1,282,557,796)	114.68%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	1,214,425,568	1,214,425,568	-	100.00%
Chi phí gắn đồng hồ nước	(6,185,802,137)	11,722,707,343	(17,908,509,480)	-52.77%
Chi phí thay đồng hồ nước	(381,449,002)	4,632,375,312	(5,013,824,314)	-8.23%
Chi phí chống thất thoát nước	540,564,949	562,839,976	22,275,027	96.04%
Chi phí cải tạo ống mục	5,380,052,574	-6,853,661,440	12,233,714,014	-78.50%
Chi phí đầu nối	30,927,294	69,192,885	(38,265,590)	44.70%
Chi phí sửa bể	1,030,067,219	437,602,906	592,464,313	235.39%
Chi phí khác	427,895,405	311,223,234	116,672,171	137.49%
Tổng chi phí sản xuất	215,299,995,313	180,659,696,184	32,119,733,591	119.17%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	-
Giá vốn đã cung cấp	215,299,995,313	180,659,696,184	32,119,733,591	119.17%

b. Thuyết minh

Giá vốn trong quý 4 năm 2015 so với quý 4 năm 2014 tăng 32.119.733.591 đồng, tỷ lệ tăng 119.17% do:

Chi phí mua si nước sạch tăng 40.278.144.981 đồng, tỷ lệ tăng 127.67% do

1. Năm 2015, Thanh tra tài chính đã thu hồi phần chênh lệch 1% sản lượng của năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 => làm cho chi phí

2. Sản lượng nước mua si quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 12.305.671 m³, tỷ lệ tăng 136% do quý 4 năm 2015 Công ty mua si nước sạch qua đồng hồ tổng => chi phí mua si nước sạch tăng 67.804.247.2510 đồng

3. Chi phí nhân công tăng do sản lượng tiêu thụ tăng 2.151.107 m³, tỷ lệ tăng 109%

4. Chi phí sửa bể tăng 592.464.313 đồng, tỷ lệ tăng 235.39%

Ngoài yếu tố chi phí mua si nước sạch, chi phí sửa bể, chi phí nhân công tăngthì các chi phí khấu hao TSCĐ, CP gán, thay ĐHN đều giảm do năm 2015 Công ty đã thực hiện chính sách phân bổ các chi phí gán, thay đồng hồ nước .

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	2,358,964,722	2,127,379,209	231,585,513	110.89%
Chi phí công cụ dụng cụ	186,763,634	20,435,469	166,328,165	913.92%
Chi phí khấu hao	124,813,305	99,940,143	24,873,162	124.89%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	411,839,632	287,462,865	124,376,767	143.27%
Cộng	3,082,381,293	2,535,217,686	547,163,607	121.58%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 547.163.607 đồng, tỷ lệ tăng 121.58% do :

- Chi phí nhân công tăng 231.585.513 đồng, tỷ lệ tăng 110.89% do sản lượng tăng
- Chi phí công cụ dụng cụ tăng 166.328.165 đồng, tỷ lệ tăng 913.92%
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác tăng 124.376.767 đồng, tỷ lệ 143.27%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	6,788,012,265	6,002,960,184	785,052,081	113.08%
Chi phí công cụ dụng cụ	168,637,251	127,300,500	41,336,751	132.47%
Chi phí khấu hao	719,193,385	299,086,327	420,107,058	240.46%
Thuế, phí chuyển tiền	16,623,422	15,635,245	988,177	106.32%
Dự phòng	39,611,908	-44,462,165	84,074,073	-89.09%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	2,134,939,966	2,520,339,804	(385,399,838)	84.71%
Cộng	9,867,018,197	8,920,859,895	946,158,302	110.61%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 946.158.302 đồng, tỷ lệ tăng 110.61% do:

- Chi phí nhân công tăng 785.052.081 đồng, tỷ lệ tăng 113.61% do sản lượng tăng
- Chi phí KHTSCĐ tăng 420.107.058 đồng, tỷ lệ tăng 240.46%
- Chi phí công cụ dụng cụ tăng 41.336.751 đồng, tỷ lệ tăng 132.47%

Ngoài các yếu tố làm tăng chi phí nêu trên, công ty cũng đã tiết kiệm được các chi phí dịch vụ mua ngoài là 385.399.838 đồng, tỷ lệ giảm 15%



V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	13,636,365	39,090,913	(25,454,548)	34.88%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	530,921,313	1,096,607,614	(565,686,301)	48.41%
Thu tiền bồi thường di dời	31,932,846,000	921,604,617	31,011,241,383	3464.92%
Thu khác	17,876,301	41,273,763	(23,397,462)	43.31%
Cộng	32,495,279,979	2,098,576,907	30,396,703,072	1548.44%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 30.396.703.072 đồng, tỷ lệ tăng 1.548,44% chủ yếu do Công ty thu tiền bồi thường của các công trình bồi thường di dời đường ống cấp nước.

Ngoài ra, thu nhập từ khách hàng về việc đầu tư ống cái quý 4 năm 2015 giảm so với quý 4 năm 2014 là 565.686.301 đồng, tỷ lệ giảm 52%

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí hồ sơ mời thầu	25,833,581		25,833,581	
GTCL của TSCĐ thanh lý	3,328,546,674		3,328,546,674	
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	841,010,281		841,010,281	
Chi phí đầu tư ống cái không hoàn lại	150,524,808	883,827,977	(733,303,169)	17.03%
Chi phí khác		(2,533,304)	2,533,304	
Cộng	4,345,915,344	881,294,673	3,464,620,671	493.13%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 4 năm 2015 tăng so với quý 4 năm 2014 là 3.464.620.671 đồng, tỷ lệ tăng 493.13% chủ yếu là do:

- Việc thanh lý tài sản cũ làm cho chi phí tăng lên 3.328.546.674 đồng
- Chi phí di dời hệ thống cấp nước tăng 841.010.281 đồng

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

Chi tiêu	Quý 4 năm 2015	Quý 4 năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN gồm:	17,552,282,651	14,229,224,896	3,323,057,755	123.35%
Thuế TNDN phải nộp 2015	2,806,696,856	3,197,108,895	(390,412,039)	87.79%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14,745,585,795	11,032,116,001	3,713,469,794	133.66%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì lợi nhuận trước thuế của quý 4 năm 2015 tăng so với lợi nhuận của quý 4 năm 2014 là 3.323.057.755 đồng, tỷ lệ tăng 123.35% và lợi nhuận sau thuế tăng 3.713.469.794 đồng, tỷ lệ tăng 133.66%

Quận 5, ngày 18 tháng 01 năm 2016

LẬP BIỂU

K/TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Như Quỳnh

Lưu Thị Thu

